

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 13/2025/DSST

Ngày: 17/6/2025

“V/v Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hoàng Văn Chung**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Anh Dũng**
Ông **Nguyễn Ái Tân**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Trương Hồng Quang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Nhung-KSV**.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Trong quá trình sinh sống, làm ăn, bà Hoàng Thị L có vay mượn của bà Trần Thị H như sau:

- Ngày 13/01/2002, bà Hoàng Thị L có mượn của bà H 5.800.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 22 năm 08 tháng (272 tháng), số tiền lãi là 15.776.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 21.576.000 đồng.

- Ngày 18/01/2002 (Âm lịch), bà Hoàng Thị L có vay thêm 6.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 22 năm 08 tháng (272 tháng), số tiền lãi là 16.320.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 22.320.000 đồng.

- Ngày 24/01/2003 bà Hoàng Thị L có vay tiếp 5.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 22 năm 08 tháng (272 tháng), số tiền lãi là 13.600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 18.600.000 đồng.

- Ngày 18/3/2002 (Âm lịch) bà Hoàng Thị L có vay thêm 4.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 22 năm 06 tháng

(270 tháng), số tiền lãi là 10.800.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 14.800.000 đồng.

- Ngày 05/9/2002, bà Hoàng Thị L có vay 10.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 22 năm (264 tháng), số tiền lãi là 13.200.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 18.200.000 đồng.

- Ngày 13/3/2003, bà Hoàng Thị L vay tiếp 4.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 21 năm 06 tháng (258 tháng), số tiền lãi là 15.480.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 19.480.000 đồng.

- Ngày 13/12/2005 (Âm lịch) bà Hoàng Thị L có nhờ bà H vay Tín dụng 45.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng, tính đến ngày 18/9/2024 thì thời gian tính lãi là 18 năm 09 tháng (225 tháng), số tiền lãi là 101.250.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 146.250.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 261.250.000 đồng

Mặc dù đã nhiều lần bà H yêu cầu bà Hoàng Thị L trả tiền nhưng bà Hoàng Thị L cố tình không trả. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị L phải trả số tiền cả gốc và lãi là 261.226.000 (Hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn) đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 07 tháng 4 năm 2025 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là: 187.250.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả lại số tiền đã mượn là 74.000.000 đồng.

* Phía bị đơn trình bày: Quá trình làm ăn bà có vay tiền nhiều lần của chị H tại thôn B, xã V, V, Quảng Trị. Nhưng sau khoảng một thời gian vợ chồng chị H có ra nhà bà L đặt 01 tủ đựng quần áo, 01 giường, 01 lá cửa. Tiền thì chưa thanh toán. Còn số tiền hàng tháng mà L vay thì trả lãi đều đặn 1.500.000 đồng cho chị H. Sau khoảng thời gian mấy tháng bà L có trả bớt cho chị H 5.000.000 đồng và chị H ra lấy tiền thịt lợn và bà L lấy 500.000-1.000.000 đồng đưa cho chị H (số tiền đưa khoảng 15 lần).

Hai năm gần đây do làm ăn thua lỗ nên chưa trả cho bà H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình theo Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 105; Điều 166; Điều 194; Điều 271; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 357; các Điều 430, 440, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Trần Thị H số tiền còn thiếu là 74.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền là 187.250.000 đồng.

+ Bà Hoàng Thị L phải chịu 5.000.000 đồng chi phí giám định và 3.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đề ngày 25/9/2024, tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả số tiền 261.250.000 đồng. Bị đơn bà Hoàng Thị L cư trú tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nay cần xác định lại là “Kiện đòi tài sản”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bà Hoàng Thị L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị L.

[2]. Xét nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về số nợ và nghĩa vụ thanh toán: Xét giấy vay tiền lập các ngày 13/01/2002, ngày 18/01/2002 (Âm lịch), ngày 24/01/2003, ngày 05/9/2002, này 13/3/2003 và ngày 13/12/2005 do bị đơn ký nhận thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền gốc 74.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm lập giấy vay tiền hai bên đều tự nguyện lập, không bị ai ép buộc, giấy tờ này là có thực nên tình tiết này không phải chứng minh.

Tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh: a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận...”. 4 Tại Điều 116 của Bộ luật dân sự quy định: “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”.

Tại Điều 119 của Bộ luật dân sự quy định: “Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”.

Xét lời trình bày của các đương sự, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian quen biết làm ăn với nhau từ năm 2002 đến năm 2005. Bà Hoàng Thị L đã nhiều lần vay tổng số tiền 261.250.000 (Hai trăm sáu mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), (trong đó có 74.000.000đ tiền gốc và 187.250.000 đồng là tiền lãi), Tại thời điểm bị đơn Hoàng Thị L ký vào giấy nhận nợ, bà hoàn toàn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký vào giấy nhận nợ là tự nguyện không bị ai ép buộc. Vì vậy, bị đơn phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Hoàng Thị L là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 261.250.000 đồng mới

bảo đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 187.250.000 đồng nợ lãi trong phần nợ gốc. Xét thấy việc rút phần yêu cầu này là có căn cứ, cần chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại là 74.000.000 đồng.

[2.2]. Xét lời trình bày của bị đơn bà L thừa nhận khoảng năm 2002-2005 bà có vay tiền 74.000.000 đồng, nhưng sau khoảng một thời gian vợ chồng chị H có ra nhà bà L đặt 01 tủ đựng quần áo, 01 giường, 01 lá cửa. Tiền thì chưa thanh toán. Còn số tiền hàng tháng mà L vay thì trả lãi đều đặn 1.500.000 đồng cho chị H. Sau khoảng thời gian mấy tháng bà L có trả bớt cho chị H 5.000.000 đồng và chị H ra lấy tiền thịt lợn và bà L lấy 500.000-1.000.000 đồng đưa cho chị H (số tiền đưa khoảng 15 lần). Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Vĩnh Linh tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được việc mình ký vào giấy nhận tiền là bị ép buộc, cũng không chứng minh được là mình không nợ hoặc đã trừ một phần nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

[3]. Đối với số tiền lãi nguyên đơn đã rút yêu cầu nên không không xem xét.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu ông Trần Xuân T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Đối với khoản nợ của bà L với và bà H, ông T không được biết, không được sử dụng chung, cũng như không liên quan đến số nợ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ liên đới.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

[7] Chi phí giám định: Bị đơn Hoàng Thị L phải chịu 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 105; Điều 166; Điều 194; Điều 271; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút đối với số tiền 187.250.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc bà Hoàng Thị Li có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí và chi phí giám định: Buộc bà Hoàng Thị Li chịu 3.700.000 đồng án phí DSST và 5.000.000đ tiền chi phí giám định.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H tạm ứng án phí là 6.531.125 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000369 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh QT;
- VKS huyện Vĩnh Linh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- Những người TGTT;
- Lưu.

Hoàng Văn Chung

